

BIA TIẾN SĨ VĂN MIẾU HÀ NỘI

ĐC&T8. ĐÌNH KHẮC THUÂN*

Văn miếu Hà Nội, vốn là Văn miếu-Quốc tử giám của kinh đô Thăng Long thời Lý, Trần, Lê, Mạc, được xây dựng dưới thời Lý Thái Tông (1028- 1054) sau khi kinh đô được dời về Thăng Long, tiếp đó được tu bổ và mở rộng quy mô vào năm 1070, dưới đời vua Lý Thánh Tông. Từ năm Giáp Thìn (1484), niên hiệu Hồng Đức, triều đình nhà Lê cho dựng bia khắc tên người đỗ các kì thi Hội, gọi là bia tiến sĩ. Từ đó đến cuối thời Lê trung hưng, nhiều khoa thi được khắc dựng bia mà hiện tại còn bảo lưu được 82 bia. Những văn bia tiến sĩ này vừa được công nhận là Di sản tư liệu thuộc chương trình Ký ức thế giới (Memory of the World) của UNESCO. Bài viết này làm rõ một số khía cạnh về đặc điểm và giá trị lịch sử mỹ thuật văn hóa của văn bia Văn miếu Hà Nội.

1. Các khoa thi và lệ dựng bia tiến sĩ ở Văn miếu Hà Nội

Bia tiến sĩ ở Văn miếu Hà Nội gồm 82 bia về 82 khoa thi tiến sĩ của nhà Lê kể từ khoa thi đầu tiên của nhà Lê, năm 1442 và khoa thi cuối thời Lê, năm 1778, trong đó có 1 khoa thi thời Mạc. Tuy bia chỉ dựng từ khoa

đầu tiên của nhà Lê, song trước đó từ thời Lý, thời Trần đã có các khoa thi tiến sĩ, mà không được dựng bia. Thiết nghĩ, trước hết, cần điểm lại khái lược về các khoa thi tiến sĩ và lệ dựng bia tiến sĩ ở Việt Nam.

- Nhà Lý (1010- 1225) tổ chức khoa thi đầu tiên vào năm 1075- khoa Minh kinh bác học. Tiếp đó, còn có 4 khoa thi thuộc năm (1086) đời Lý Nhân Tông, năm (1165) đời Lý Anh Tông, năm (1185) và năm (1193) đời Lý Cao Tông. Đây cũng là những kỳ đại khoa đầu tiên ở nước ta. Số người đỗ đại khoa là 11 vị.

- Thời Trần (1225- 1400) tiếp nối thời Lý, sớm mở khoa thi Tam giáo năm 1227 để chọn nhân tài. Tuy nhiên, khoa thi Nho học đầu tiên ở đời Trần được tính từ khoa thi năm Kiến Trung 8 (1232) đời Trần Thái Tông. Năm Quang Thái 9 (1396) đời vua Trần Thuận Tông, lần đầu tiên phân cấp thi Hương và thi Hội, lấy năm trước thi Hương và năm sau thi Hội. Người đỗ thi Hội được vua cho thi (Đình thí) một bài văn sách để định cao thấp. Nhà Trần tổ chức cả thấy được 12 khoa thi tiến sĩ, lấy đỗ 61 vị.

- Thời Hồ (1400- 1407), cho thi Thái học sinh khoa Canh Thìn năm Thánh Nguyên 1

(1400). Năm Khai Đại 2 (1404) định lệ 3 năm thi Hội một lần và năm sau (1405) mở khoa thi lần 2. Số người đỗ trong 2 khoa thi này là 13 vị, trong đó có Nguyễn Trãi, danh nhân văn hoá Việt Nam thế kỉ XV.

- Thời Lê sơ (1428- 1527), năm Thuận Thiên 2 (1429), vua Lê Thái Tổ cho mở khoa Minh kinh bác học. Năm Thiệu Bình 5 (1438), Lê Thái Tông khôi phục thi Hương ở các đạo. Từ khoa Nhâm Tuất Đại Bảo 3 (1442) chính thức gọi là khoa thi tiến sĩ. Từ năm Quang Thuận 3 (1462), quy định cứ 3 năm tổ chức một khoa thi, năm trước thi Hương, năm sau thi Hội. Lê này được duy trì suốt thời gian còn lại của triều Lê sơ và cả các triều đại kế tiếp. Nhà Lê đã tổ chức 31 khoa thi tiến sĩ và tương đương, lấy đỗ 1008 vị, trong đó có 21 vị Trạng nguyên.

- Thời Mạc (1527- 1592) duy trì theo chế độ nhà Lê, 3 năm mở một lần cả thi Hương và thi Hội, mở đầu là khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức 3 (1529). Trong vòng 65 năm trị vì, nhà Mạc tổ chức được 22 khoa thi, lấy đỗ 485 tiến sĩ.

- Thời Lê Trung hưng (1553- 1788), ngay trong thời kỳ củng cố căn cứ ở vùng núi Thanh Hoá, nhà Lê đã mở khoa thi tiến sĩ ở hành cung An Trường vào năm Thuận Bình 6 (1554) gọi là Chế khoa. Tiếp đó, đến năm Chính Trị 8 (1565) mới mở được kì thi Chế khoa thứ hai và mãi đến năm Gia Thái 5 (1577) mới có khoa thứ ba. Từ năm 1580 trở đi đã duy trì đều đặn 3 năm tổ chức thi một lần (trừ năm 1586 không tổ chức thi được).

Từ năm 1595, các khoa thi Hội của nhà Lê trung hưng tiếp tục được duy trì ở kinh đô Thăng Long và thi Đình theo thường lệ. Ngoài các khoa thi tiến sĩ, thời Lê trung hưng còn có một số khoa thi khác như khoa Hoành từ, Sĩ vọng hay Tuyển cử (là khoa thi cho người đỗ Hương cống) và khoa Đông các (cho người đỗ tiến sĩ được chọn vào làm ở toà Đông các). Như vậy, chỉ kể các Chế khoa và khoa thi tiến sĩ chính thức triều Lê trung hưng từ khoa thi Giáp Dần (1554) đến khoa cuối cùng, năm Đinh Mùi (1787), nhà Lê trung hưng đã mở được 73 khoa thi, lấy

đỗ 805 tiến sĩ, cùng 16 khoa thi bác cử, lấy đỗ 199 tạo sĩ.

- Thời Tây Sơn (1788- 1802) dù rằng triều đại này rất chú trọng đến việc học, song việc tổ chức thi cử thi chưa làm được gì, duy nhất có 1 kỳ thi Hương.

- Thời Nguyễn (1802- 1945), tổ chức khoa thi Hội đầu tiên vào năm Minh Mệnh 3 (1822). Ngoài các khoa thi Hội ra, nhà Nguyễn còn đặt một số khoa thi Ân khoa và Chế khoa. Kể từ khoa thi Hội đầu tiên năm 1822 đến khoa thi cuối cùng năm Khải Định 4 (1919), nhà Nguyễn đã tổ chức được 39 khoa thi Hội, lấy đỗ 558 vị tiến sĩ và 7 khoa thi võ lấy đỗ 120 vị võ tiến sĩ.

Như vậy từ khoa thi năm Ất Mão (1075) đến khoa Kỷ Mùi (1919), lịch sử khoa cử Việt Nam đã có 844 năm tồn tại. Về ngạch văn, đã có 183 khoa thi tiến sĩ và tương đương, lấy đỗ 2893 vị đại khoa; về ngạch võ mở 26 khoa thi, lấy đỗ 319 vị.

Tuy có nhiều khoa thi như vậy, nhưng lệ dựng bia Tiến sĩ mới bắt đầu từ năm 1484, khắc dựng từ khoa thi đầu tiên của nhà Lê, năm 1442. Sau đó, vì nhiều lí do mà không phải khoa thi nào cũng được dựng bia. Ví như thời Mạc có tới 22 khoa thi, nhưng chỉ có 2 bia được dựng, trong đó 1 bia dựng lại khoa thi cuối của nhà Lê, và 1 bia dựng cho khoa thi đầu tiên của nhà Mạc. Năm 1582, Đề điệu Thiếu bảo Trần Thị Thắm từng dâng sớ tâu bày việc dựng bia đá và ghi vào sổ vàng người thi đỗ, nhưng không được thực hiện. Bài sớ này được Lê Quý Đôn chép lại khá đầy đủ trong *Đại Việt thông sử*, có đoạn sau:

"...Xin bệ hạ, ra lệnh cho các vị triều thần bàn định, bắt đầu tự năm nay trở đi, mỗi khi mở khoa thi xong, liền sai bộ Công tạo bia đá, khắc tên các vị trúng tuyển; các vị văn thân thi soạn bài ký ca tụng, khắc luôn vào bia đó. Chiếu xét những khoa thi trước, khoa nào chưa có bia thì lập bia, hoặc còn thiếu sót thì điền bổ cho đầy đủ. Lại sai các vị văn thân biên chép tất cả tên các vị trúng tuyển vào quế tịch. Như vậy, không những mỹ quan một thời, mà còn để đời sau xem xét,

tên các vị khoa mục sẽ lưu thơm tới ức nghìn vạn năm! Không phải chỉ là thịnh sự của các vị tiến thân, mà thực là một sự hiển vinh của quốc gia vậy...".

Tuy vậy, tờ số này đã không được thực hiện "Mậu Hợp cho là hiện lúc này trong nước đang thời kỳ lảm việc, nên chưa thi hành" (*Đại Việt Thông sử*, Bản dịch Lê Mạnh Liêu, Sài gòn 1973, tr. 154).

Thực tế, bia tiến sĩ ở Văn miếu được khắc dựng tập trung ở một số lần chính, vì thế đã tạo thành các nhóm bia khác nhau.

2. Các nhóm bia tiến sĩ ở Văn miếu

Theo thời gian dựng bia, có thể phân thành các nhóm bia chính sau đây:

Nhóm thứ nhất: từ bia số 1 đến số 7, gồm 7 bia, được khởi dựng vào năm Hồng Đức thứ 5 (1484). Các bia này đều có trán bia bẹt, trang trí hoàn toàn là hình mặt trời và hoa mây. Diềm bên và diềm chân bia đều là hoa dây mà cổ học giả Nguyễn Du Chi gọi là hoa văn thực vật hình sin. Mặt trời cũng chỉ là một vòng tròn nhỏ có 3 tua mây, thậm chí chỉ là một vầng mây cuộn. Hai bên mặt trời hoàn toàn không có rồng hoặc phượng châu như thường gặp trên các bia đá khác, mà chỉ là những hoa mây, nên chúng tôi gọi chung là mặt trời hoa mây. Kỹ thuật chạm khắc cả trán bia và diềm bia đều là kỹ thuật khắc chìm, vì thế hiện tại rất mờ.

Nhóm thứ hai: từ bia số 8 đến số 12, gồm 5 bia, trong đó 2 bia được dựng vào niên hiệu Hồng Đức (1487, 1496), 3 bia khác dựng năm 1502, 1513 và 1520. Hai bia đầu cùng phong cách nhóm bia thứ nhất. Ba bia sau tuy cũng chỉ là đề tài mặt trời hoa mây, nhưng mặt trời khá to choán hết trung tâm trán bia.

Nhóm thứ ba: gồm 2 bia: số 13 và 14, dựng vào thời Mạc, năm 1529 và 1536. Trán bia đều trang trí hình mặt trời hoa mây, diềm bên trang trí dây leo hình sin có tua hình tay mướp, nên thường gọi là hoa văn tay mướp. Kỹ thuật khắc chìm, nét khắc mảnh.

Nhóm thứ tư: gồm 25 bia từ số 15 đến số 39, đều được dựng vào năm Thịnh Đức thứ nhất (1653). Trán bia nhóm bia này đều cao,

rộng hơn, kỹ thuật chạm nổi, nét khắc mập, khỏe khoắn, nên còn khá rõ. Tuy cùng được khắc dựng trong một thời điểm, nhưng đề tài trang trí lại hết sức phong phú, đa dạng, kỹ thuật chạm khắc tinh xảo. Trong 25 bia, có 15 bia trang trí đề tài mặt trời rồng, 8 bia chạm hình mặt trời hoa mây, 1 bia mặt trời phượng, 1 bia chạm mặt trời và hai long mã châu. Hoa văn diềm bia đều là hoa dây, nhưng có những hoa dây được điểm thêm hoặc hoa lá, hoặc hoa, chim. Trang trí trên diềm chân bia gồm đề tài cánh sen 14 bia, dây leo 6 bia, sóng nước 1 bia. Nhìn chung, đồ án trang trí trên đường diềm loại bia này vô cùng phong phú. Các họa tiết hoa lá, chim thú, được bao bọc bởi đường dây leo uốn lượn tinh tế về đường nét, thay đổi về mảng khối.

Nhóm thứ năm: gồm 21 bia từ số 40 đến 60, đều được dựng vào năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717). Nhóm bia này có phong cách tương tự nhóm bia thứ 4. Trán bia rộng, kỹ thuật khắc nổi, nét khắc mập, khỏe khoắn. Đề tài trang trí trên trán bia tuy vẫn là đề tài mặt trời và rồng. Nhưng rồng ở đây được cách điệu là những vân mây, đôi khi chỉ thấy những đốm mây cách điệu. So với hoa mây trên trán bia nhóm bia đầu thì đốm mây ở đây nhiều hơn, chạm kín cả hai bên của trung tâm trán bia to rộng, đôi khi thấy khá rối. Diềm bên và dưới chân bia đều được trang trí chủ yếu là hình dây leo hoa lá, chim; chỉ có 1 bia chạm hình văn triện và 1 chạm hình văn xoắn.

Nhóm thứ sáu: gồm 7 bia, từ bia số 61 đến 67, được khắc dựng vào các niên hiệu Bảo Thái (1721, 1724, 1726), Long Đức (1732, 1733, 1734) và Vĩnh Hựu (1738). Phong cách nhóm bia này tương tự nhóm bia thứ 5, kỹ thuật chạm nổi, nét khắc mập, khỏe. Trán bia cũng hoàn toàn trang trí đề tài mặt trời hoa mây. Tuy nhiên, các hoa mây ở đây đã cách điệu thành các hình rồng mây. Hoa văn diềm bia tương tự diềm bia nhóm 5.

Nhóm thứ bảy: gồm 15 bia, từ bia số 68 đến số 82, được khắc dựng trong niên hiệu Cảnh Hưng vào các năm 1744, 1747, 1748,

1753, 1756, 1757, 1760, 1763, 1766, 1769, 1772, 1776, 1780. Nhóm bia này khá to, trán bia rộng, kỹ thuật khắc nổi, nét khắc mập. Đề tài trang trí trên trán bia đều cùng chủ đề mặt trời, rồng. Hình rồng được cách điệu bằng những đốm mây. Diềm bên và diềm chân bia được chạm hoa văn dây leo, nhưng chủ yếu là lá, ít khi có hoa, đặc biệt là không có hình chim thú. Có hai trường hợp được trang trí hoa văn ô trám hoặc hình học.

Rõ ràng đề tài trang trí trên bia tiến sĩ đề danh ở Văn miếu đa dạng, nhưng phân định phong cách theo từng nhóm bia, theo từng thời kỳ dựng bia như trình bày ở trên. Có điều thú vị là những bia được dựng vào thế kỷ XV và XVI không sử dụng hình rồng làm mô típ trang trí. Thậm chí cả 21 bia được dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717) cũng chỉ là những hình vân mây cách điệu. Trái lại trong lần dựng bia năm Thịnh Đức thứ nhất (1653) hầu hết trang trí trên trán bia sử dụng đề tài rồng châu. Những bia khác được dựng trong niên hiệu Cảnh Hưng hoàn toàn sử dụng đề tài rồng châu này. Có điều là rồng trên bia dựng năm 1653 được mô tả thực, còn trên bia dựng vào niên hiệu Cảnh Hưng thì là rồng cách điệu vân mây. Hình tượng rồng được biến thể sang các họa tiết hình vân mây, nhưng vẫn cho cảm giác là hình đầu rồng, thân rồng và móng vuốt. Đường nét trang trí đồ họa đã biến cách, uốn lượn khéo léo tạo ra hình rồng nhưng không mang yếu tố tả thực.

Cụm bia được khắc dựng năm Thịnh Đức thứ nhất (1653) có kỹ thuật tinh xảo nhất, đề tài trang trí phong phú nhất. Tuy vậy, cụm bia này lại do một phường thợ khắc. Đó là phường thợ Kính Chủ (Hải Dương). Điều này được xác định cụ thể qua nội dung một lệnh chỉ của chúa Trịnh ban cho làng Kính Chủ này được khắc trên bia động Kính Chủ (Hải Dương), được dịch ra sau đây:

“Phụng mệnh các quan phủ liêu bảo cho quan viên tướng thần xã thôn trưởng xã Kính Chủ huyện, Giáp Sơn là Lê Công Nghiệp, Nguyễn Ngọc Trinh, Hoàng Nhữ Năng, Nguyễn Cẩn Tín, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Văn

Sách, Nguyễn Duy Thống, Lê Đá, Nguyễn Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Dụ, Nguyễn Cao, Trịnh Kim Ích, Hoàng Bành, Nguyễn Hữu Thu cùng toàn thể lớn nhỏ trong xã được biết.

Nguyên dân xã am hiểu nghệ tạc voi đá, ngựa đá để thờ những nơi tông miếu. Nay lại nhận được lệnh khắc bia đá và tạc rùa đội bia, các vị tiến sĩ đỗ chế khoa để dựng tại Quốc tử giám. Công việc rất vất vả, nặng nhọc. Dân xã xin được miễn thuế cho các hộ và phu phen tạp dịch để hoàn thành công việc được giao. Căn cứ vào ý bàn bạc ưng thuận cho nha môn ty bản xứ và các quan ở nha môn thuộc bản phủ, bản huyện miễn trừ thuế hàng năm cho các hộ và những phu phen tạp dịch, khiến thư sức dân. Nay ban báo. Ngày 25 tháng 11 năm Thịnh Đức 1 (1653)”.

Đây là lệnh chỉ của chúa Trịnh cấp cho thợ đá làng Kính Chủ được miễn phu phen tạp dịch lo việc tạc bia đá Văn miếu trong lần tu sửa Văn miếu vào năm 1653 này.

Người soạn văn bia hoàn toàn là các vị đại khoa. Từ nhóm thứ nhất đến nhóm thứ ba, mỗi văn bia do một người soạn và đều không có người nhuận sắc. Nhóm bia thứ tư, gồm 25 bia được dựng năm 1653, do 9 người soạn, có người soạn 4 bài, có người soạn 3 bài và 2 bài. Toàn bộ văn bia đều do Dương Trí Trạch nhuận sắc. Nhóm thứ năm gồm 21 bia, do 5 vị soạn, 4 vị mỗi vị soạn 4 bài, 1 vị soạn 5 bài; tất cả đều do Nguyễn Quý Đức nhuận sắc. Nhóm thứ sáu, thứ 7, thứ 8 do mỗi năm dựng một bia, nên mỗi văn bia do một người soạn và một người nhuận sắc. Nhóm bia cuối cùng được cùng dựng vào niên hiệu Cảnh Hưng, gồm 6 người soạn, người soạn từ 2 đến 4 bài; người nhuận sắc do 4 người đảm nhận.

Những bài văn bia này có độ dài ngắn khác nhau, nhưng đều là những kỳ văn, chứa đựng nhiều nội dung tư tưởng, văn hóa sâu sắc.

3. *Giá trị văn hóa văn bia tiến sĩ Văn miếu*
82 văn bia tiến sĩ Văn miếu Hà Nội không chỉ là nguồn tư liệu phong phú phản ánh một

giai đoạn lịch sử hơn 300 năm dưới triều Lê-Mạc và Lê Trịnh, mà còn là bức tranh sinh động về việc tuyển dụng và đào tạo nhân tài độc đáo ở Việt Nam, thể hiện ở tư tưởng trị quốc dựa vào nhân tài.

Nói đến việc trọng dụng nhân tài, không ai không nhắc đến văn bia *Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ để danh kí* do Thân Nhân Trung (1419- 1499) soạn với câu nói sau: “Hiển tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần thiết. Vì kẻ sĩ có quan hệ trọng đại với quốc gia như thế, được quý chuộng không biết dường nào, đã được đề cao bởi khoa danh, lại được ban trọng tước trật. Ôn ban đã nhiều mà vẫn coi là chưa đủ. Báo tin mở tiệc, triều đình mừng được người tài, không việc gì không làm hết mức”.

Trọng dụng nhân tài là quốc sách, mà đời vua nào cũng hết sức coi trọng. Vì thế, các văn bia sau đó đều nhắc lại tư tưởng này. Văn bia số 2, khoa thi Mậu Thìn (1448) cũng viết: “Nhân tài đối với quốc gia quan hệ rất lớn” và “Phải có đào tạo sau mới có nhân tài”.

Văn bia số 25 khoa Giáp Thìn (1604), ghi: Hiển tài là nguyên khí của quốc gia, phải hết sức tác thành, khoa mục là con đường chính đáng của sĩ tử, nên mở rộng khuyến khích. Tác thành lựa chọn nhân tài, nêu gương khích lệ kẻ sĩ chưa có đời nào như quốc triều ta.

Văn bia số 29 khoa Bính Thìn (1616) cũng ghi: Nhà nước có nhân tài cũng như con người có nguyên khí. Nguyên khí thịnh mạnh thì con người sống lâu, mà đông đảo nhân tài thì nước nhà vững như núi Thái (Thái Sơn). Cho nên các bậc thánh đế minh vương không đời nào không coi việc nuôi tài kén sĩ để bồi bổ nguyên khí là hàng đầu.

Văn bia số 49 khoa Quý Hợi (1683) còn xác định rõ hơn việc sử dụng nhân tài như

thế nào để có hiệu quả nhất: Trời sinh hiền tài là muốn để dùng cho đời, bậc nhân quân trị nước đều cốt yếu cần rộng chọn hiền tài. Bởi vì hiền tài là khí dụng của quốc gia, khí dụng đủ thì điều khiển, giao phó chẳng việc gì không được, chính sự không việc gì không làm nổi, mà cơ đồ không thể không vững chắc, thế đạo không thể không thịnh sáng vậy. Cho nên đời xưa trị nước, không gì gấp bằng cầu tìm hiền tài để tin giao công việc.

Tuy nhiên, vấn đề khác không kém quan trọng mà các văn bia ở đây đặt ra là làm sao để có được nhân tài và đã là người tài thì phải rèn giũa thế nào để xứng đáng là bậc hiền tài. Văn bia số 4, khoa Bính Tuất (1466) ghi: Nhân tài đối với quốc gia có quan hệ rất lớn lao vậy. Cho nên kẻ sĩ phải có dưỡng dục...

Văn bia số 32 khoa Mậu Thìn (1628) viết: Đương quan phải giữ tấm lòng sắt đá trung thành, dâng lời nói thuốc đắng, kim châm để giúp vua giữ gìn quy củ; mưu lo ích nước, thi triển yên dân, làm rường cột quốc gia,... Còn như kẻ bên ngoài ngọt miệng mà trong lòng đao kiếm, bên trong hiểm độc mà bên ngoài giả bộ ngu khờ, chỉ mưu toan cho bản thân, ít màng lo quốc chính, thì người ta sẽ nhìn vào đấy mà bảo: kẻ ấy gian tà, kẻ ấy xảo trá, không biết từ đâu mà lại lọt được vào trong số học sĩ?

Văn bia số 61 khoa Mậu Tuất (1718) ghi: Kẻ sĩ phải giữ tiết tháo cứng cỏi, giữ tâm chất thực chắc chắn, lấy chính trực trung hậu mà đứng giữa triều đình, lấy đạo đức nhân nghĩa mà giúp chúa, chẳng gì chẳng mòn, sừng sững như cột trụ ở miếu đường, làm nền tảng, làm ánh sáng giữ yên xã tắc,...

Văn bia số 66 khoa Quý Sửu (1733) ghi: Lấy chính trực trung hậu mà đứng giữa triều đình, lấy đạo đức nhân nghĩa phò tá chính sự, làm đá tảng cột trụ ở chốn miếu đường, đưa quốc gia đến chỗ vững yên như Thái Sơn bàn thạch,...

Hình thức khắc đá để tên những người thi đỗ cũng làm cho kẻ sĩ cố gắng phát huy năng lực của mình, để khỏi xấu hổ với khoa bảng và thẹn với lòng mình. Văn bia khoa

Nhâm Tuất (1442) ghi: "Nay thánh thượng anh minh, lại nhận thấy rằng, việc lớn tốt đẹp tuy đã vẻ vang một thời, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ để lưu truyền lâu dài cho hậu thế. Vì thế, lại cho khắc đá để danh dựng ở cửa nhà Thái học để cho kẻ sĩ chiêm ngưỡng, hâm mộ phấn chấn, rèn luyện danh tiết, hăng hái kính giúp nhà vua. Há phải chỉ là chuộng hư danh, sinh hư văn mà đặt ra đâu!".

Văn bia khoa Mậu Thìn (1448) cũng ghi: "Nay những người được đề tên vào tấm đá này, cho dù nay đã có nửa phần tuổi tác đã cao, nhưng con người trung chính hay tà ngụy thế nào, việc làm được mất nên như thế nào, công luận nghiêm xét, ngàn đời khó trốn. Còn những người hiện đương tại chức, hãy nên nhớ lại ơn lựa chọn của tiên triều, ngẫm tới sự hiển đạt của mình ngày nay, tiết muện đường dài, hãy thận trọng để khỏi hổ thẹn. Còn những người hậu tiến sờ vào tấm đá này, liếc nhìn bài văn này cũng nên biết cách thức khích lệ của thánh triều, kiếm tìm dấu tích danh thực của tiền bối, lựa lấy điều hay để theo mà bắt chước; đừng để cho đời sau phải chê trách đời nay, cũng như đời nay phải chê trách đời trước, thế là việc rất tốt trong việc tốt vậy" v.v...

Đây là sự kỳ vọng và cũng là sự cảnh tỉnh đối với những người "hiện đương tại chức" được gánh vác trọng trách với đất nước hãy đọc những văn bia này mà noi theo người xưa "lựa lấy điều hay để theo, đừng để cho đời sau phải chê trách,...".

Phía sau mỗi bài văn bia còn giành ra phần trang trọng để khắc họ tên người đỗ đạt khoa thi đó. Họ tên được khắc chữ to, nét khắc sâu, đẹp, kèm theo nguyên quán, thân phận khi thi đỗ. Cả thảy có hơn 1300 vị tiến sĩ của 82 khoa thi được khắc tên, vinh danh muôn thuở. Có thể tìm thấy ở đây tên tuổi của nhiều danh nhân từng được nhắc nhiều trong các sách sử Việt Nam như: nhà sử học Ngô Sĩ Liên, đỗ tiến sĩ năm 1442, đã tham gia biên soạn bộ quốc sử "Đại Việt sử ký toàn thư"; nhà bác học Lê Quý Đôn, tác giả của nhiều kiệt tác, như *Đại Việt thông sử*,

Kiến văn tiểu lục, Vân đài loại ngữ...; danh sĩ Ngô Thì Nhậm đỗ tiến sĩ khoa 1775, đã giúp vua Quang Trung chiến thắng quân Thanh trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa lịch sử...

Việc ghi tên vinh danh trên bia đá là niềm khích lệ lớn trong việc học tập, rèn luyện để trở thành người có ích cho đất nước và xã hội. Vì thế, bia tiến sĩ Văn miếu cũng là biểu tượng và niềm tự hào của sự thành đạt và trí tuệ của cha ông ta, có tác động xã hội to lớn đối với người đương thời và hậu thế.

Ngày nay Bia tiến sĩ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám vẫn có sức hút mạnh mẽ đối với các học giả, du khách, chính khách trong và ngoài nước. Văn bia tiến sĩ Văn miếu Hà Nội xứng đáng là di sản thế giới mà UNESCO vừa tôn vinh.

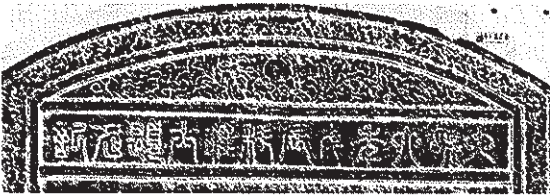
D.K.T

Tài liệu tham khảo:

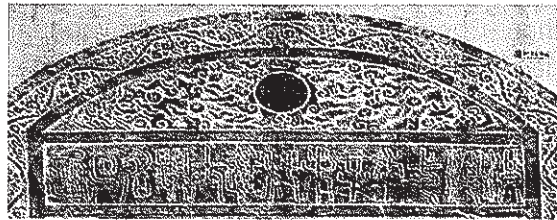
- 1- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản dịch, KHXH, H. 1998,
- 2- *Đại Việt Thông sử*, Bản dịch Lê Mạnh Liêu, Sài Gòn, 1973.
- 3- *Mỹ thuật thời Lê sơ*, Nguyễn Đức Nùng chủ biên, Nxb. Văn hóa, H. 1978.
- 4- Nguyễn Tiến Cảnh- Nguyễn Du Chi- Trần Lâm- Nguyễn Bá Vân: *Mỹ thuật thời Mạc*, Nxb. Viện Mỹ thuật, H.1993.
- 5- Nguyễn Du Chi, "Nghệ thuật trang trí trên các bia tiến sĩ thời Lê ở Văn miếu Hà Nội", *Tạp chí Khảo cổ*, số 5- 6/1970, tr. 120-131.
- 6- *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, Trịnh Khắc Mạnh- Nguyễn Văn Nguyên- Phillippe Papin (Ban chỉ đạo chương trình), tập 1-10, Nxb. Văn hóa Thông tin, H. 2006- 2007.
- 7- Trần Văn Giáp, "Văn bia Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 119/1969.
- 8- *Văn bia đề danh tiến sĩ Việt Nam*, Trịnh Khắc Mạnh biên dịch và giới thiệu, Nxb. Giáo dục, H. 2006.
- 9- *Văn bia thời Mạc*, Đinh Khắc Thuân biên dịch và giới thiệu, Nxb. KHXH. H. 1996.
- 10- *Văn miếu Quốc tử giám và 82 bia tiến sĩ*, Ngô Đức Thọ chủ biên, Trung tâm hoạt động văn hóa khoa học Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội, H. 2002.



Bia Văn miếu Hà Nội - Ảnh: Tác giả



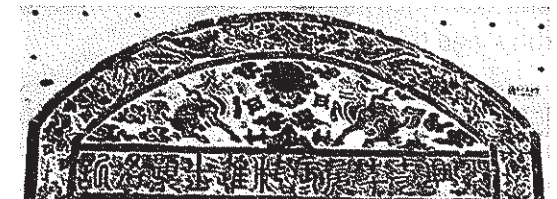
Trán bia khoa Mậu Thìn (1448), khắc năm 1484



Trán bia khoa Tân Mùi khắc năm 1513



Trán bia khoa át Mùi (1475) khắc năm 1484



Trán bia khoa Canh Thìn (1580) khắc năm 1653



Trán bia khoa át Sửu (1565) khắc năm 1653



Trán bia khoa Kỷ Sửu (1589) khắc năm 1653

ĐÌNH KHẮC THUÂN: SCHOLAR STELAE AT THE LITERATURE TEMPLE IN HANOI

The paper puts the birth of scholar stelae at the Literature Temple at their historical and social context, and then distributes them into 7 main categories, mainly by date, and draws some artistic styles of each stela. From the content of those stelae, the author shows the functions and emotions of given intellectuals on the background: "Talented and righteous person is a life sustaining element of the nation".